

DANH SÁCH THI CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Phòng thi: PM1 - ĐC: 276/12 Bình Giã

Giờ Thi: 10h30 đến 13h15

Ngày thi: 30/08/2026

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên		Ngày sinh	Giới Tính	Nơi sinh	Chữ ký	Ghi chú
1	300826101	PM1	Lê Văn	Thom	08/09/1964	Nam	Hung Yên		
2	300826102	PM1	Phạm Thị	Thủy	26/05/1989	Nữ	Ninh Bình		
3	300826103	PM1	Phạm Thị Chung	Thủy	08/01/1985	Nữ	Quảng Ninh		
4	300826104	PM1	Lại Thị	Thúy	15/06/1985	Nữ	Hà Nội		
5	300826105	PM1	Lương Võ Anh	Thư	18/05/2013	Nữ	TP. Hồ Chí Minh		
6	300826106	PM1	Nguyễn Mai Anh	Thư	28/12/2015	Nữ	Thanh Hóa		
7	300826107	PM1	Trần Nguyễn Anh	Thư	03/11/2014	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh		
8	300826108	PM1	Lê Thị Minh	Thư	25/08/2008	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh		
9	300826109	PM1	Nguyễn Bình Minh	Thương	07/04/2016	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh		
10	300826110	PM1	Lê Ngọc	Tiên	22/01/2013	Nữ	Đồng Nai		
11	300826111	PM1	Tạ Minh	Tiến	24/03/2013	Nam	Tp. Hồ Chí Minh		
12	300826112	PM1	Nguyễn Ngọc	Tĩnh	03/04/1960	Nam	Thanh Hóa		
13	300826113	PM1	Trần Thị Lâm	Trang	07/12/1982	Nữ	Hà Tĩnh		
14	300826114	PM1	Nguyễn Ngọc Thảo	Trang	19/03/2009	Nữ	TP. Hồ Chí Minh		
15	300826115	PM1	Vũ Thị Kiều	Trang	18/11/2009	Nữ	Ninh Bình		
16	300826116	PM1	Phan Thảo	Trang	20/10/2007	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh		
17	300826117	PM1	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	07/07/1993	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh		
18	300826118	PM1	Huỳnh Ngọc Huyền	Trân	22/07/2010	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh		
19	300826119	PM1	Vũ Ngọc Bảo	Trân	15/09/2014	Nữ	TP. Hồ Chí Minh		
20	300826120	PM1	Trần Nguyễn Bảo	Trân	08/11/2012	Nữ	TP. Hồ Chí Minh		
21	300826121	PM1	Phạm Ngô Bảo	Trân	13/10/2012	Nữ	TP. Hồ Chí Minh		
22	300826122	PM1	Đặng Thị Diễm	Trinh	22/04/1991	Nữ	Tây Ninh		
23	300826123	PM1	Trần Hải Bạch	Trinh	06/11/2000	Nữ	Khánh Hòa		
24	300826124	PM1	Lâm Tố	Trinh	01/01/1991	Nữ	Cà Mau		
25	300826125	PM1	Nguyễn Ngọc Thảo	Trinh	19/03/2009	Nữ	TP. Hồ Chí Minh		
26	300826126	PM1	Nguyễn Thành	Trung	09/12/2015	Nam	Tp. Hồ Chí Minh		
27	300826127	PM1	Nguyễn Tuấn	Tú	13/12/2014	Nam	Tp. Hồ Chí Minh		
28	300826128	PM1	Vũ Xuân Tuấn	Tú	10/03/2015	Nam	Tp. Hồ Chí Minh		
29	300826129	PM1	Trần Anh	Tuấn	03/11/2008	Nam	TP. Hồ Chí Minh		
30	300826130	PM1	Lương Sơn	Tùng	29/10/2004	Nam	Tp. Hồ Chí Minh		

31	300826131	PM1	Nguyễn Ngọc	Túy	02/12/1974	Nam	Nghệ An		
32	300826132	PM1	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	29/06/1983	Nữ	TP. Hồ Chí Minh		
33	300826133	PM1	Vũ Đại	Vĩ	20/01/2014	Nam	TP. Hồ Chí Minh		
34	300826134	PM1	Mai Quốc	Việt	01/05/2015	Nam	Tp. Hồ Chí Minh		
35	300826135	PM1	Phan Minh	Việt	17/07/2015	Nam	Tp. Hồ Chí Minh		
36	300826136	PM1	Ngô Ngọc Uy	Vũ	24/04/2017	Nam	Gia Lai		
37	300826137	PM1	Lê Quý	Vương	04/07/2013	Nam	TP. Hồ Chí Minh		
38	300826138	PM1	Lê Bảo	Vy	19/02/2015	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh		
39	300826139	PM1	Phạm Ngọc	Vy	02/01/2015	Nữ	Cà Mau		
40	300826140	PM1	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	14/01/2015	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh		
41	300826141	PM1	Võ Thanh	Xuân	22/12/1990	Nữ	TP. Hồ Chí Minh		
42	300826142	PM1	Cao Thị	Xuyến	10/11/1977	Nữ	Nghệ An		
43	300826143	PM1	Vũ Như	Ý	19/12/2013	Nữ	TP. Hồ Chí Minh		
44	300826144	PM1	Phạm Hoàng	Yến	09/02/2016	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh		
45	300826145	PM1	Phạm Hải	Yến	04/04/2014	Nữ	TP. Hồ Chí Minh		
46	300826146	PM1	Tô Hoàng Phi	Yến	09/01/2012	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh		
47	300826147	PM1	Nguyễn Thị	Yến	18/09/1992	Nữ	Đắk Lắk		
48	300826148	PM1	Nguyễn Ngọc Bình	An	18/11/2013	Nam	Tp. Hồ Chí Minh		
49	300826149	PM1	Lê Nguyễn Minh	Ngọc	03/10/2015	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh		
50	300826150	PM1	Vũ Anh	Tâm	04/02/2011	Nam	Đồng Nai		
51	300826151	PM1	Hà Gia	Bảo	19/05/2013	Nam	Tp. Hồ Chí Minh		
52	300826152	PM1	Nguyễn Thị	Diệu	15/05/1988	Nữ	Quảng Trị		

Danh sách có :
52
Thí sinh

Ngày 30 tháng 08 năm 2026

Tổng số học viên dự thi:
.....
Thí sinh

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2

Chủ tịch hội đồng thi

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi 3
Cán bộ coi thi 4

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Ký, ghi rõ họ tên)